VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00865/2023/PKQ (23.199)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 15/03/2023
Loại mẫu: Bùn
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn bể điều hòa sau ép tại NM XLNT TT KCN Nhơn Trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Naptalen [(d)]	mg/L	<0,07	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	pH[(d)]	-	6,3	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,027	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	0,0081	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	0,0065	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	0,005	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
7	Coban (Co)[(b)]	mg/L	0,009	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	1,01	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
9	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	0,0143	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
10	Selen (Se)[(b)]	mg/L	0,0163	US EPA Method 1311 + SMEWW 3113B:2017
11	Asen (As)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	US EPA Method 1311 + SMEWW 3113B:2017
12	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Cr^{6+}[(d)]	mg/L	<0,15	US EPA Method 1311+US EPA Method 7196A

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
14	$CN^{-(b)}$	ppm	KPH (MDL = 0,061)	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
15	Tổng Dầu[(d)]	mg/L	4,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
16	Phenol[(d)]	mg/L	<0,005	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
17	Benzen[(d)]	mg/L	<0,005	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
18	Clobenzen[(d)]	mg/L	<0,005	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
19	Toluen[(d)]	mg/L	<0,005	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 10h35' ngày 15/03/2023
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,13,15,16,17,18,19 do Viện Công nghệ môi trường - 079 thực hiện;

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Đỗ Văn Mạnh

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03165/2023/PKQ (23.752)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 06/09/2023
Loại mẫu: Bùn
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,86	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	pH[(b)]	-	5,47	2,0 -12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,0146	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	0,0057	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
7	Coban (Co)[(b)]	mg/L	0,001	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
9	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	0,0044	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
10	Selen (Se)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Asen (As)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
12	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,86	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	$Cr^{6+(b)}$	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
14	$CN^{-(d)}$	ppm	KPH (MDL = 0,2)	511,53	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
15	Tổng Dầu(b)	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
16	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
17	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270D
18	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E
19	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 08h00' ngày 06/09/2023
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,14,16,17,18,19 do Viện Công nghệ môi trường - 079 thực hiện;
*- **QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2023

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Đỗ Văn Mạnh

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03880/2023/PKQ (23.940)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 09/10/2023
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,79	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	pH[(b)]	-	7,31	2,0 - 12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,005	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
3	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Coban (Co)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
7	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
8	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	0,0011	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Selen (Se)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
10	Asen (As)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,79	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	$CN^{-(d)}$	ppm	KPH (MDL = 0,2)	472,295	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
14	Tổng dầu[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
15	Phenol[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
16	Benzen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270D
17	Clobenzen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E
18	Toluen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E
19	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h40' ngày 09/10/2023
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 13,15,16,17,18,19 do Viện Công nghệ môi trường thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2023

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04795/2023/PKQ (23.1124)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 03/11/2023
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,82	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	pH[b]	-	7,26	2,0 -12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Bari (Ba)[b]	mg/L	0,0162	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Bạc (Ag)[b]	mg/L	0,0153	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd)[b]	mg/L	0,0004	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Chì (Pb)[b]	mg/L	0,0027	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
7	Coban (Co)[b]	mg/L	0,0016	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zn)[b]	mg/L	0,65	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
9	Niken (Ni)[b]	mg/L	0,0119	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
10	Selen (Se)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Asen (As)[b]	mg/L	0,0107	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
12	Thủy ngân (Hg)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 – 028.38235249. Fax: 028.38235247

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,82	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	Crom VI (Cr^{6+})[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
14	CN^{-}[d]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	489,11	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu[b]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
16	Phenol[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
17	Benzen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270D
18	Clobenzen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E
19	Toluen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 15h35' ngày 03/11/2023
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,14,16,17,18,19 do Viện Công nghệ môi trường - 079 thực hiện;
***- QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.